TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 56/2021/HNGĐ.ST
Ngày: 28 -12 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Phát

2. Ông Trương Văn Ánh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Ngọc T**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 10, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/11/2021, nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 cưới nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo

phong tục tại địa phương, sau khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấp chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2014. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn An P, sinh ngày 17/12/2010 và Nguyễn Phú A, sinh ngày 12/7/2012 hiện đang sống với mẹ. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng ý kiến chung, anh T1 thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc cho gia đình và vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã có khuyên bảo để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng .

Trong quá trình chung sống vợ chồng không tạo ra tài sản chung .

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết những vấn đề sau: được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1; được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn An P và Nguyễn Phú A; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, anh T1 thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc cho gia đình và vợ con hơn 10 năm nay, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, vợ chồng không sống chung, mỗi người có cuộc sống riêng. Hiện 02 con chung đang ở cùng chị tại Tp. Hồ Chí Minh, con chung vẫn được đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét Chị Trần Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1, anh T1 có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 17/12/2021, ngày 28/12/ 2021 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T1 là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét chị T và anh T1 kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T1 không còn quan tâm, chăm sóc vợ con; đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, mâu thuẫn xảy ra gần 10 năm, việc tiếp tục sống chung đã không có hạnh phúc và không thể hàn gắn. Tòa án đã mời anh T1 đến để hòa giải để vợ chồng có điều kiện hàn gắn nhưng anh T1 vẫn vắng mặt, thể hiện anh T1 không muốn cải thiện tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với T1 là có căn cứ.

[3] Xét về con chung tên Nguyễn An P, sinh ngày 17/12/2010 và Nguyễn Phú A, sinh ngày 12/07/2012, hiện đang chung sống với cha mẹ, cả hai con chung có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Anh T1 chưa có ý kiến hay yêu cầu nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp. Chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Ngọc T phải nộp án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc T.

1.1. Chị Trần Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

1.2. Về con chung: Công nhận cho chị Trần Ngọc T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn An P (sinh ngày 17/12/2010) và Nguyễn Phú A (sinh ngày 12/7/2012). Anh Nguyễn Văn T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nôm, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần NgọcT phải nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)*, số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0013288 ngày 09/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Thành Lợi
(h Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Mười Hai